

Cinnarizin

25 mg

- **Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.**
- **Để xa tầm tay trẻ em.**
- **Tờ hướng dẫn sử dụng nêu tóm tắt các thông tin quan trọng của thuốc. Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.**

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC:

Mỗi viên nén chứa:

Thành phần dược chất: Cinnarizin 25 mg

Thành phần tá dược: Povidon K30, Lactose khan, Microcrystallin cellulose PH102,

Natri Croscarmellose, Magnesi stearat, Colloidal silicon dioxide A200.

DẠNG BÀO CHẾ: Viên nén.

Mô tả đặc điểm bên ngoài của thuốc: Viên nén hình tròn, màu trắng, hai mặt lõm, một

mặt viên có khắc vạch, cạnh và thành viên lạnh lặn.

CHỈ ĐỊNH:

Cinnarizin được chỉ định trong bệnh mạch ngoại vi với các triệu chứng như đau cách

hối, lạnh đầu chi và các rối loạn co thắt mạch.

LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG:

Liều dùng:

* Người lớn:

- Bệnh mạch ngoại vi:

Liều thông thường là 50 - 75 mg (2 - 3 viên) x 2 - 3 lần/ngày. Không được vượt quá liều

thường dùng.

- Bệnh động mạch ngoại vi: Chậm được cải thiện khi điều trị bằng thuốc. Hiệu quả tối

đa của cinnarizin sẽ xuất hiện sau vài tuần điều trị liên tục, mặc dù cải thiện đáng kể lưu

lượng máu đã được chứng minh sau 1 tuần.

* Người cao tuổi: Như liều người lớn.

* Trẻ em: Không khuyến cáo.

Cách dùng: Dùng uống. Cinnarizin nên được uống sau bữa ăn.

Trường hợp quên uống một liều dùng: Hãy uống ngay khi nhớ ra. Nếu thời gian gần với

lần dùng thuốc tiếp theo, bỏ qua liều đã quên và hãy dùng liều tiếp theo vào thời gian

thường lệ. Không dùng liều gấp đôi để bù vào liều đã quên.

Trường hợp uống quá nhiều viên thuốc: Hãy gặp ngay bác sĩ hoặc tới khoa Hồi sức -

Cấp cứu của bệnh viện gần nhất.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Bệnh nhân có tiền sử quá mẫn với cinnarizin hoặc bất kỳ thành phần khác của thuốc.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC:

- Cũng như các thuốc kháng histamin khác, cinnarizin có thể gây khó chịu ở vùng

thượng vị. Uống thuốc sau bữa ăn có thể làm giảm kích ứng dạ dày.

- Cinnarizin không làm giảm huyết áp đáng kể. Tuy nhiên, nên sử dụng thận trọng ở

bệnh nhân hạ huyết áp.

- Ở những bệnh nhân bị bệnh Parkinson, chỉ dùng cinnarizin nếu lợi ích lớn hơn các

nguy cơ làm trầm trọng thêm bệnh.

- Cinnarizin có thể gây buồn ngủ, đặc biệt khi bắt đầu điều trị. Vì vậy, cần thận trọng khi

dùng đồng thời với rượu hoặc thuốc ức chế hệ thần kinh trung ương hoặc thuốc chống

trầm cảm ba vòng.

- Tránh dùng cinnarizin ở người bệnh rối loạn chuyển hóa porphyrin.

- Chưa có nghiên cứu trong rối loạn chức năng gan hoặc thận. Nên sử dụng thận trọng

ở bệnh nhân suy gan hoặc suy thận.

- Do thuốc có chứa lactose. Bệnh nhân có vấn đề về dung nạp galactose, bệnh nhân

thiếu hụt enzym Lapp lactase hoặc kém hấp thu glucose-galactose không nên dùng

thuốc này.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

- **Thời kỳ mang thai:** Chưa có dữ liệu về sự an toàn của cinnarizin trong thời kỳ mang

thai ở người, mặc dù các nghiên cứu trên động vật đã chứng minh không gây quái thai.

Không nên sử dụng cinnarizin ở phụ nữ đang mang thai.

- **Thời kỳ cho con bú:** Không có dữ liệu về sự bài tiết cinnarizin trong sữa mẹ. Vì vậy,

không nên dùng cinnarizin ở người đang cho con bú.

Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc:

Cinnarizin có thể gây buồn ngủ, đặc biệt khi bắt đầu điều trị. Vì vậy, không nên lái xe

hoặc vận hành máy móc khi dùng thuốc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC:

Tương tác của thuốc:

- Sử dụng đồng thời cinnarizin với rượu, thuốc ức chế hệ thần kinh trung ương hoặc

thuốc chống trầm cảm ba vòng có thể làm tăng tác dụng an thần của các thuốc này

hoặc của cinnarizin.

- Ảnh hưởng chẩn đoán: Do tác dụng kháng histamin, cinnarizin có thể ngăn những chỉ

thị phản ứng da dương tính nếu dùng cinnarizin 4 ngày trước thử nghiệm.

Tương kỵ của thuốc:

- Dưa trên dữ liệu an toàn tổng hợp về tính tương kỵ của thuốc dùng đường uống, không trộn

lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC:

- Dưa trên dữ liệu an toàn tổng hợp từ những thử nghiệm lâm sàng, phản ứng không

mong muốn thường gặp nhất (> 2%) là buồn ngủ và tăng cân.

- Các phản ứng không mong muốn sau đây được thu thập từ các thử nghiệm lâm sàng

và kinh nghiệm sau khi sử dụng cinnarizin.

Bảng tóm tắt các phản ứng không mong muốn:

Các cơ quan	Tần suất (*)	Các phản ứng không mong muốn
Rối loạn hệ thần kinh	Thường gặp	Buồn ngủ.
	Ít gặp	Ngủ lịm, hôn mê.
	Không rõ	Rối loạn vận động, triệu chứng ngoại tháp, Parkinson, run.
Rối loạn tiêu hóa	Thường gặp	Buồn nôn.
	Ít gặp	Khó chịu ở dạ dày, nôn, đau bụng, khó tiêu.
Rối loạn da và mô dưới da	Ít gặp	Ra mồi hói, tăng sừng hóa.
	Không rõ	Liken phẳng, lupus ban đỏ ở da bán cấp.
Rối loạn cơ xương và mô liên kết	Không rõ	Co cứng cơ.
Rối loạn chung và đường dùng	Ít gặp	Mệt mỏi.
Khác	Thường gặp	Tăng cân.

(*) Tần suất tác dụng không mong muốn được định nghĩa như sau: Rất thường gặp (ADR \geq 1/10), thường gặp (1/100 \leq ADR < 1/10), ít gặp (1/1000 \leq ADR < 1/100), hiếm gặp (1/10000 \leq ADR < 1/1000), rất hiếm gặp (ADR < 1/10000), không rõ (không được ước tính từ dữ liệu có sẵn).

Hướng dẫn cách xử trí ADR:

Có thể phòng ngừa tình trạng buồn ngủ và rối loạn tiêu hóa, thường có tính chất tạm

thời, bằng cách tăng dần liều tới mức tối ưu. Phải ngừng thuốc khi bệnh nặng hơn hoặc

thấy xuất hiện những triệu chứng ngoại tháp khi điều trị dài ngày cho người cao tuổi.

QUẢ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:

Triệu chứng và biểu hiện khi sử dụng thuốc quá liều:

Quả liều cinnarizin cấp tính đã được báo cáo với các liều khác nhau, từ 90 đến 2250 mg.

Các dấu hiệu và triệu chứng quá liều cinnarizin thường gặp: Thay đổi ý thức khác nhau,

từ buồn ngủ đến lơ mơ và hôn mê, nôn, các triệu chứng ngoại tháp và giảm trương lực.

Ở một số trẻ em gây động kinh tiến triển. Đa số các trường hợp hầu như làm sáng

không nghiêm trọng, nhưng từ vong đã được báo cáo sau khi dùng quá liều cinnarizin

và các thuốc có chứa cinnarizin.

Cách xử trí khi dùng thuốc quá liều:

- Không có thuốc giải độc đặc hiệu. Trường hợp quá liều, điều trị triệu chứng và hỗ trợ.

Có thể dùng than hoạt tính nếu cần thiết.

- Tích cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

Hộp 3 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên, hộp 100 vỉ x 50 viên.

Chai 100 viên, chai 1000 viên.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN:

Bảo quản ở: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30 °C, tránh ánh sáng.

Bảo quản trong bao bì gốc của thuốc.

HẠN DÙNG:

48 tháng kể từ ngày sản xuất. Không dùng thuốc quá hạn sử dụng đã ghi trên nhãn.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: TCCS.

CHỖ SỞ SẢN XUẤT:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

Địa chỉ: Số 346 đường Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Phú,

Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 1800.969.660



DOMESCO



102027